TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **73**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài
- Bà Bùi Thị Duyên

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Hữu Văn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST –HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc Q, sinh năm: 1984; địa chỉ thường trú: ấp C, xã Đ, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Tổ 2, khu phố B, phường K, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (Chị Q có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Mai Thanh H, sinh năm: 1987; địa chỉ: số 16/1 ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Anh H có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Ngọc Q trình bày:

Chị và anh Mai Thanh H tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyên tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết hôn xong vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác nhưng giữa chị và anh Mai Thanh H không khắc phục được, chị và anh Mai Thanh H đã không còn sống chung với nhau, anh Mai Thanh H có động viên

khuyên chị để vợ chồng cùng hàn gắn nuôi con nhưng chị không đồng ý. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh Mai Thanh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Mai Thanh H.

Về con chung: chị và anh Mai Thanh H có 01 con chung tên Mai Trí T, sinh ngày 07/02/2020, con chung đang sống chung cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn anh Mai Thanh H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Võ Ngọc Q về quá trình tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn. Anh thừa nhận cuộc sống hôn nhân của anh và chị Võ Ngọc Q có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về kinh tế và những vấn đề khác, anh và chị Q có cải nhau. Anh và chị Q đã không còn sống chung hơn 01 năm nay. Tuy nhiên, anh đã nhiều lần khuyên giải chị Q để vợ chồng cùng hàn gắn để lo cho con nhưng chị Qkhông đồng ý và vẫn cương quyết ly hôn với anh. Do anh còn thương vợ, thương con mong muốn hàn gắn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn với chị Q. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Anh không yêu chị Võ Ngọc Q cấp dưỡng cho anh khi ly hôn.

Về con chung: anh và chị Võ Ngọc Q có 01 con chung tên Mai Trí T, sinh ngày 07/02/2020, con chung đang sống chung cùng chị Q. Chị Q yêu cầu trực tiếp nuôi con chung thì anh đồng ý, do chị Qkhông yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nên anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng chị Q nuôi con thì phải tạo điều kiện cho anh được tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, chị Quyến không được quyền ngăn cản anh đến thăm, chăm sóc giáo dục con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Ngọc Q. Cho chị Võ Ngọc Q ly hôn với anh Mai Thanh H; về con chung: Chị Võ Ngọc Q được

trực tiếp nuôi con chung tên Mai Trí T, sinh ngày 07/02/2020, ghi nhận chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: Chị Q và anh H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; nợ chung: Chị Q và anh H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Mai Thanh H có đăng ký hộ khẩu tại số 16/1 ấp H, xã P, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh H.

[4] Về hôn nhân: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn được UBND xã K, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị Q và anh H được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị Q xin ly hôn với anh H là do trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh H thừa nhận anh và chị Q có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q vì anh muốn hàn gắn lại tình cảm do anh còn thương vợ, thương con. Xét thấy, hiện nay chị Q và anh H không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án anh H không đồng ý ly hôn với chị Q nhưng anh H không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Q và chị Q vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Q và anh H là có thật được anh chị thừa nhận và phù hợp với biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án đối với ông Mai Văn N là cha của anh H nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh H. Chị Q và anh H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H có 01 con chung tên Mai Trí T, sinh ngày 07/02/2020, khi ly hôn chị Q yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Thấy rằng, từ

khi chị Q và anh H không còn sống chung, chị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Mai Trí T. Bên cạnh đó, anh H cũng đồng ý giao cháu Mai Trí T cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung Mai Trí T, sinh ngày 07/02/2020 cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Võ Ngọc Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227, Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Ngọc Q đối với anh Mai Thanh H. Chị Võ Ngọc Q được ly hôn với anh Mai Thanh H.

Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Võ Ngọc Q được trực tiếp nuôi con chung Mai Trí T, sinh ngày 07/02/2020, ghi nhận chị Q không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Võ Ngọc Q và anh Mai Thanh H trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Ngọc Q phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000301, ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã K, huyện T;
- Lưu Hs, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Văn Tú